TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 71/2022/HS-ST Ngày 30-12-2022	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- T1 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Ngát

Bà Phan Thị Minh Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, Thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, THÀNH phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 68/2022/TLST-HS ngày 16 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2022/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo:

Phạm Văn T (tên gọi khác Phạm Năng T), sinh ngày 20/8/1963 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn 4, xã K1, huyện K, T1 phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Năng S, (đã chết) và còn bà Đào Thị C1 (đã chết); có vợ là Đào Thị T2, sinh năm 1963; có 03 con, lớn nhất sinh năm 1985, nhỏ nhất sinh năm 1993; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Có 03 tiền án; Tại bản án số 05/HSST ngày 22/6/1989 của Tòa án nhân dân huyện K, T1 phố Hải Phòng xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản của công dân" nhưng cho hưởng án treo. Bản án số 659/HSPT ngày 22/5/1991 của Tòa án nhân dân tối cao xử phạt 12 tháng tù về tội "Cướp tài sản của công dân", tổng hợp hình phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo của bản án số 05/HSST ngày 22/6/1989 là 21 tháng tù. Bản án hình sự số 598/HSPT ngày 20/4/1996 của Tòa án nhân dân tối cao xử phạt 10 năm tù về tội "Cướp tài sản của công dân" và 02 năm tù về tội "Cưỡng đoạt tài

sản của công dân; các bản án đều đã xóa án tích. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/8/2022; có mặt.

- *Bị hại:* Ông Nguyễn Sĩ T1, sinh năm 1968; đã chết ngày 25/5/2022

- *Đại diện hợp pháp cho bị hại:* Bà Đào Thị C, sinh năm 1976; nơi cư trú: Thôn 5, xã K1, huyện K, Thành phố Hải Phòng; xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Bà Đào Thị T2, sinh năm 1963; nơi cư trú: Thôn 4, xã K1, huyện K, Thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Chị Mạc Thị N; vắng mặt

2. Chị Đặng Thị Nguyệt A; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 50 phút ngày 22/5/2022, Phạm Văn T (không có giấy phép lái xe theo quy định), điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 15F1-117.06 chở ông Nguyễn Sĩ T1 đi trên đường 362 theo hướng từ xã T, huyện K để về xã K1, huyện K. Khi đi đến gần ngã tư thuộc thôn T1, xã T, cách khoảng 10 mét T phát hiện đèn báo hiệu giao thông màu đỏ nên đã giảm tốc độ nhưng vẫn điều khiển xe đi lên phía trước nên đã đâm vào phía sau bên trái xe mô tô biển kiểm soát 15B3-480.85 do chị Mạc Thị N chở chị Đặng Thị Nguyệt A đang dừng đỗ trước vạch dừng đèn đỏ phía trước cùng chiều làm 02 xe bị đổ ra đường. Chị N, chị A, T và ông T1 đều bị ngã xuống đường. T và ông T1 được mọi người đưa đi cấp cứu; chị N, chị A bị thương tích nhẹ, cả hai xe mô tô bị hư hỏng. Đến ngày 25/05/2022, ông T1 bị tử vong.

Kết quả khám nghiệm bên ngoài tử thi và hồ sơ bệnh án, tại Bản kết luận giám định pháp y số 123/2022/GĐPY ngày 13/6/2022 của Trung tâm pháp y Hải Phòng kết luận: Ông Nguyễn Sĩ T1 bị chấn thương sọ não gây vỡ xương thái dương đỉnh trái, tụ máu dưới màng cứng, chảy máu dưới nhện, đụng dập nhu mô não, phù não, chết vì suy hô hấp, suy tuần hoàn không hồi phục do chấn thương sọ não nặng. Không mổ tử thi nên không xác định được chính xác nguyên nhân chết của nạn nhân.

Kết quả xét nghiệm nồng độ cồn trong máu của ông T1 tại bệnh viện là 129,6mg/dl.

T cấp cứu tại bệnh viện V - Hải Phòng từ ngày 22/5/2022 đến ngày 02/6/2022 ra viện. Cơ quan điều tra đã quyết định trưng cầu giám định pháp y cho T: Tại kết luận giám định pháp y về thương tích số 396/2022/GĐPY ngày 15/8/2022 của Trung tâm pháp y Hải Phòng: Phạm Văn T với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do vỡ xương đá (xương thái dương trái) gây nên là 16%; do gãy xương gò má, cung tiếp gò má trái gây nên là 08%; do gãy T1 ngoài hốc mắt trái gây nên là 05%; do tụ máu ngoài màng cứng vùng trán thái dương phải gây nên là 05%; do đụng dập tụ máu nhu mô não thuỳ thái dương phải gây nên là 21%; do gãy 02 xương sườn 3, 4 trái gây nên là 02% và 02%; do gãy rạn đầu ngoài xương đòn trái gây nên là 02%; do gãy mỏm cùng vai trái gây nên là 08%; do vết thương cẳng chân phải gây nên là 02%; do vết thương mu bàn chân phải gây nên là 01%. Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể theo phương pháp cộng tại Thông tư 22/2019/TT-BYT là: 54%.

Kết quả xét nghiệm nồng độ cồn trong máu của T tại bệnh viện là 209,5mg/dl.

Kết quả khám nghiệm hiện trường và dựng lại hiện trường nơi xảy ra tai nạn đã xác định:

Hiện trường vụ tai nạn xảy ra tại ngã tư đường 362 hướng từ xã T đi xã K1, lòng đường rộng 11m trải bê tông phẳng, thẳng; hai bên đường có vỉa hè; vỉa hè phải rộng 04 m; tại khu vực ngã tư có hệ thống đèn tín hiệu giao thông, vạch sơn dừng đèn đỏ, vạch sơn dành cho người đi bộ qua đường, vạch sơn màu vàng kẻ tim đường liền thẳng, vạch sơn kẻ tim đường đứt đoạn màu vàng, 03 cụm gờ giảm tốc độ và biển báo giao thông đường giao nhau cùng cấp và giao nhau có tín hiệu đèn. Lấy mép đường bên phải hướng xã T đi xã K1 làm chuẩn, hiện trường để lại các dấu vết sau: Vết máu màu đỏ nằm trên mặt đường trong diện kích thước 0,4 x 0,4 m, cách mép đường 4,8 m. Có 03 vết xước: Vết xước 1 màu trắng xám dạng đứt đoạn dài 4,25 m nằm trên mặt đường có hướng từ xã T đi xã K1; đầu và cuối vết xước cách mép đường lần lượt là 3,35 m và 4,25 m; đầu vết xước đến vạch dừng đèn đỏ là 1,9 m và đến đầu vết xước 2 là 0,95 m. Vết xước 2 màu trắng xám dạng đứt đoạn dài 0,7m nằm trên mặt đường có hướng từ xã T đi xã K1, đầu và cuối vết xước cách mép đường lần lượt là 2,4m và 2,05m; đầu xết xước 2 đến đầu vết xước 3 là 1,6m. Vết xước 3 màu trắng đứt đoạn dài 2,6m nằm trên mặt đường có hướng từ xã T đi xã K1; đầu và cuối vết xước đến mép đường lần lượt là 2,75m và 3,2m.

Xe mô tô biển kiểm soát 15F1-117.06 và xe mô tô biển kiểm soát:15B3-480.85 đều nằm đổ nghiêng bên trái, đầu xe hướng mép đường, đuôi xe hướng lòng đường. Xe mô tô biển kiểm soát 15F1-117.06, trục bánh trước và trục bánh sau cách mép đường lần lượt là 3,35m và 4,35m; trục bánh sau cách tâm vết máu là 01m; trục bánh trước cách trục bánh trước xe mô tô biển kiểm soát:15B3-480.85 là

3,25m. Xe mô tô biển kiểm soát:15B3-480.85, trục bánh trước và trục bánh sau cách mép đường lần lượt là 1,6m và 2,55m.

Kết quả khám nghiệm xe mô tô biển kiểm soát 15F1-117.06: Toàn bộ bề mặt ngoài bên trái một số bộ phận của xe bị trầy xước có hướng từ trước về sau. Yếm bên phải có vết nứt vỡ dài 7cm, cách đất 43cm; bàn để chân trước bên phải bị cong có hướng từ trước về sau, cách mặt đất 25cm. Phanh xe còn hiệu lực.

Kết quả khám nghiệm xe mô tô biển kiểm soát 15B3-480.85: Sườn xe bên trái có vết trượt màu trắng diện 45 x 4 cm có hướng từ sau về trước cách mặt đất 65 cm. Bề mặt ngoài vỏ ốp máy bên trái có vết trượt mài màu đen xanh diện 18 x 15 cm có hướng từ sau về trước cách đất 21,5 cm; cạnh ngoài ốp gương trái bị mài xước diện 0,5 x 0,2 cm có hướng từ trên xuống dưới đầu tay phanh trái bị mài xước diện 1,5 x 0,6 cm có hướng từ phải sang trái, từ trước về sau; nhựa ốp phía trên sau bàn để chân sau bên trái bị bung bật; chân trống giữa rời khỏi xe, bên trái chân trống giữa có vết nứt dài 3cm.

Sau khi tai nạn xảy ra, bị cáo T đã bồi thường cho gia đình ông T1 số tiền 10.000.000 đồng. Đại diện gia đình ông T1 không yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo T.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô biển kiểm soát 15F1-117.06; 01 xe mô tô biển kiểm soát 15B3-480.85; 01 áo sơ mi màu xanh. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Đào Thị T2 (vợ bị cáo), bà Mạc Thị N, bị cáo T.

Còn lại 01 USB lưu giữ hình ảnh vụ tai nạn giao thông được trích xuất từ camera an ninh tại ngã tư thôn T1, xã T chuyển kèm theo hồ sơ vụ án.

Tại cơ quan điều tra, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu.

Tại bản Cáo trạng số 05/CT-VKSKT ngày 15/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố bị cáo về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo điểm a, b khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận tội: Khoảng trưa ngày 22/5/2022, T tự ý lấy xe mô tô BKS 15F1-117.06 của bà Đào Thị T2 (là vợ T) đi đến nhà ông Nguyễn Sĩ T1 ở thôn 5, K1 để chơi. Tại nhà ông T1, T cùng ông T1 ăn cơm, uống rượu. Sau đó, ông T1 nhờ T chở lên thị trấn Núi Đối, K gặp người quen nhưng không gặp được, nên T tiếp tục điều khiển xe mô tô đi theo đường 362 từ thị trấn Núi Đối quay về xã K1. T điều khiển xe mô tô đi với tốc độ 25 - 30 Km/h; khi đi đến gần ngã tư thuộc thôn T1, T thì phát hiện phía trước khoảng 10 m thấy đèn báo hiệu giao thông đỏ, có mấy xe mô tô có người điều khiển đang dừng đỗ trước vạch sơn (trong đó xe mô tô BKS 15B3-480.85 do chị Mạc Thị N chở sau chị Đặng Thị Nguyệt A). T giảm tốc độ nhưng vẫn điều khiển xe mô tô chở ông T1 đi về phía

trước nên bên phải xe của T đã đâm vào phía sau bên trái xe mô tô của chị N. T và ông T1, chị N, chị A đều bị ngã xuống đường; 02 xe mô tô đều bị đổ nằm trên đường. T và ông T1 được mọi người đưa đi cấp cứu. Chị N, chị A bị thương tích nhẹ. Đến ngày 25/5/2022, ông T1 đã chết; T bị thương tích đã được giám định pháp y kết luận: Bị giảm 54 % tổn thương cơ thể.

Tại cơ quan điều tra, bà Đào Thị C khai: Bà là vợ ông T1, các con đẻ đã cùng thống nhất ủy quyền cho bà đại diện tham gia tố tụng tại các cơ quan T2 hành tố tụng. Sáng ngày 22/5/2022 bà đi dự đám cưới, không có mặt ở nhà nên không biết T đến nhà chơi cùng ông T1 ăn cơm uống rượu. Đến khoảng hơn 14 giờ cùng ngày, bà về nhà không thấy ông T1 ở nhà. Sau đó ít phút thì bà nhận được thông báo T chở ông T1 bằng xe mô tô gây tai nạn giao thông tại ngã tư đường 362 khu vực thôn T1, T được mọi người đưa đi cấp cứu tại bệnh viện V Hải Phòng. Đến ngày 25/5/2022, ông T1 đã chết. Sau khi tai nạn xảy ra, bị cáo T cùng gia đình đã tự nguyện bồi thường cho gia đình bà số tiền 10.000.000 đồng. Nay gia đình bà không yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Tại Cơ quan điều tra, chị Mạc Thị N và chị Đặng Thị Nguyệt A thống nhất khai: Chiều ngày 22/5/2022, chị N điều khiển xe mô tô BKS 15B3-480.85 (có giấy phép lái xe theo quy định) chở chị A đi trên đường 362 hướng từ thị trấn Núi Đối về xã K1, K thăm người ốm. Khi đến ngã tư khu vực thôn T1, xã T do đèn báo hiệu giao thông đỏ nên dừng xe trước vạch sơn thì bất ngờ có 01 xe mô tô do T điều khiển chở ông T1 từ phía sau vượt lên đâm vào bên trái xe mô tô của chị N đang dừng đỗ làm xe mô tô của chị N bị đổ xuống đường, chị N và chị A đều bị ngã ra đường. Xe mô tô của T bị đổ xuống đường, T và T1 đều bị ngã ra đường được mọi người đưa đi cấp cứu, còn chị N chở chị A tiếp tục đi về xã K1. Chị N và chị A bị thương nhẹ không phải điều trị tại bệnh viện, xe mô tô bị hư hỏng nhẹ. Nay chị N và chị A đều không có yêu cầu đề nghị gì.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bà Đào Thị T2 trình bày: Sáng ngày 22/5/2022 bà và gia đình đi sang thôn Quế Lâm, T dự đám cưới, chỉ còn T ở nhà. Vào khoảng thời gian năm 2014 - 2015, bà T2 được anh Trần Nhật Tâm (cháu ruột) tặng cho 01 xe mô tô BKS 15F1-117.06 cùng đăng ký xe để làm phương tiện đi lại; bà đi dự đám cưới thì để xe mô tô trên ở nhà cùng đăng ký xe trên mặt tủ và chìa khóa vẫn cắm ở khóa điện của xe. Khi bà và mọi người dự đám cưới xong về nhà thì không thấy T, T đã tự ý lấy xe mô tô đi chơi. Sau đó bà nhận được thông báo, T lấy xe mô tô đi đến nhà ông T1 chơi ăn cơm uống rượu rồi chở ông T1 tham gia giao thông trên đường 362 đến ngã tư thôn T1, xã T gây tai nạn đâm vào xe mô tô của chị N chở chị A đang dừng đỗ tại vạch sơn dừng chờ đèn đỏ, T và ông T1 bị ngã xuống đường, xe mô tô bị đổ xuống đường được mọi người đưa đi cấp cứu tại bệnh viện V; ông T1 bị chết ngày 25/5/2022, T bị thương tích giảm 54%. Sau khi

tai nạn xảy ra, gia đình cùng T đã bồi thường đầy đủ cho gia đình ông T1, bà đã nhận lại 01 xe mô tô bị hư hỏng. Nay bà không yêu cầu đề nghị gì đối với T.

Sau quá trình xét hỏi, đánh giá tính chất của vụ án cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân của bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K trình bày lời luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt và xử lý vật chứng như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Phạm Văn T (tên gọi khác Phạm Năng T) mức án từ 24 tháng đến 30 tháng tù về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ".

- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả đầy đủ theo yêu cầu của gia đình bị hại số tiền 10.000.000 đồng. Nay đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu đề nghị gì thêm, nên không đặt ra trách nhiệm cho bị cáo.

Sau khi đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận, bị cáo T1 khẩn khai nhận tội và tỏ ra ăn năn hối cải. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt ở mức thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, đại diện bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với sơ đồ hiện trường nơi xảy ra vụ án, vật chứng thu giữ, biên bản khám nghiệm tử thi, dấu vết phương tiện, kết luận giám định pháp y, lời khai của đại diện bị hại, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Khoảng trưa ngày 22/5/2022, Phạm Văn T (không có giấy phép lái xe theo quy định), sử dụng rượu trong máu có nồng độ còn là 209,5mg/dl điều khiển xe mô tô BKS 15F1-117.06 chở ông Nguyễn Sĩ T1 đi trên đường 362 theo hướng từ xã T để đi về xã K1. Khi đi đến ngã tư đường 362

thuộc thôn T1, xã T, huyện K, T không chú ý quan sát, không giảm tốc độ có thể dừng lại một cách an toàn trước vạch dừng đèn đỏ giao thông, không giữ khoảng cách an toàn giữa các xe liền trước của mình nên đầu xe mô tô bên phải đã đâm vào phía sau bên trái xe mô tô BKS 15B3-480.85 do chị Mạc Thị N chở sau chị A đang dừng đỗ trước vạch dừng đèn đỏ làm ông T1 bị chết. Hành vi của Phạm Văn T đã vi phạm khoản 8, 9 Điều 8; khoản 1 Điều 12 Luật giao thông đường bộ; vi phạm khoản 3 Điều 5 Thông tư 31/2019/TT-BGTVT ngày 29/8/2019 của Bộ giao thông vận tải quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ. Như vậy, hành vi của bị cáo Phạm Văn T đã thỏa mãn cấu T1 tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo điểm a, b khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm an toàn công cộng, tính mạng của công dân. Cần áp dụng hình phạt nghiêm đối với bị cáo, đồng thời để phòng ngừa tội phạm.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhưng xét thấy bị cáo nhân thân xấu có 03 tiền án đã được xóa án tích. Cần xử phạt nghiêm đối với bị cáo để cải tạo giáo dục trở T1 công dân tốt cho xã hội.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả đầy đủ theo yêu cầu của đại diện hợp pháp bị hại; T1 khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; bị cáo bị thương tích nặng giảm 54 % tổn thương cơ thể. Tại giai đoạn điều tra và giai đoạn xét xử, đại diện hợp pháp của bị hại đều có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo ở mức thấp nhất. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và cho bị cáo được hưởng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng theo khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi tai nạn xảy ra, ông Nguyễn Sĩ T1 bị chết. Tổng chi phí và mai táng phí là 10.000.000 đồng. Giữa bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại đã tự thỏa thuận bồi thường xong số tiền trên. Nay đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu đề nghị gì thêm. Xét sự thỏa thuận thống nhất của các bên là sự tự nguyện phù hợp với pháp luật, không trái đạo đức xã hội được chấp nhận, nên không đặt ra trách nhiệm cho bị cáo.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

[8] Trong vụ án này, chị Mạc Thị N điều khiển xe mô tô BKS 15B3-480.85 chở sau chị Đặng Thị Nguyệt A đang dừng đỗ xe trước vạch dừng đèn đỏ giao

thông đúng quy định. Bà Đào Thị T2 chủ sở hữu xe mô tô BKS 15F1-117.06 không biết T tự ý lấy xe điều khiển chở ông T1 tham gia giao thông gây tai nạn, nên cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Phạm Văn T (tên gọi khác Phạm Năng T) 24 (hai mươi tư) tháng tù về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ". Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Thời gian cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo không quá thời hạn kể từ khi tuyên án cho đến thời điểm bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Bà Đào Thị T2 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND T1 phố Hải Phòng;
- VKSND T1 phố Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K;
- THA hình sự + PC 10 + PV 06
- Chi cục THADS + Sở Tư pháp;
- Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thanh Huyền